

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 22-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lăng Đức Quang

- Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn L, sinh ngày 22/3/1993 tại Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002093004305, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Đặng Văn M, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị L1, sinh năm 1970; có vợ là: Tần Thị Thanh T, sinh năm 2002; con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 30/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về hành vi đánh bạc, bị cáo đang trong thời gian chấp hành án chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Vũ Thị Thanh T1, sinh năm 1977; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn L và vợ là Tần Thị Thanh T, sinh năm 2002, kết hôn chung sống trên diện tích đất được Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673, sổ vào sổ cấp GCN H00065 ngày 27/6/2013 cho ông Tần Văn H, sinh năm 1975 và bà Trương Thị X, sinh năm 1977, cùng trú tại thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang (bố mẹ vợ của L). Khoảng tháng 8 năm 2021, L có nhu cầu vay tiền tại ngân hàng nhưng không có tài sản để thế chấp nên L nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền ngân hàng. L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của mình, truy cập tài khoản Facebook cá nhân mang tên “T L” đăng tải nội dung “*tôi muốn làm sổ đỏ của nhà tôi đang ở có chiều rộng là 9m, sâu 25m, nếu ai làm được thì liên hệ cho tôi qua số điện thoại 0384.221.035*”. Sau đó, có 01 (một) người đàn ông (L không quen biết, không nhớ số điện thoại) gọi điện thoại cho L giới thiệu tên là T2 và nói làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) thì L đồng ý. Qua trao đổi, L nhận tin các thông tin theo yêu cầu của T2 về thông tin cá nhân, sổ chứng minh nhân dân của L, chiều dài, chiều rộng, địa chỉ thửa đất, thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 1 theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang đã cấp cho ông H, bà X, đồng thời yêu cầu loại đất là đất ở. Đến khoảng tháng 12 năm 2021, T2 gọi điện thoại cho L, thông báo đã làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển theo dịch vụ chuyển phát nên L đã cung cấp địa chỉ của L cho T2. Khoảng 03 ngày sau, L nhận được 01 (một) gói hàng bên trong là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 828673 từ 01 (một) người đàn ông là nhân viên của dịch vụ chuyển phát (L không nhớ tên dịch vụ và số điện thoại của nhân viên), trên vỏ gói hàng không ghi thông tin, địa chỉ người gửi, sau đó L thanh toán trực tiếp cho người nhân viên chuyển phát số tiền 5.500.000đ (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). L mở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm giả ra xem thì có các nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 828673 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: Đặng Văn L, sinh năm 1993, CMND số: 002093004305; Địa chỉ thường trú: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đối với thửa đất có tổng diện tích sử dụng 225m², thửa đất số 130, tờ bản đồ số 1, loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp (không có ngày cấp). Do hai mặt giấy bị dính vào nhau nên khi mở ra bị rách mất phần dấu huyền trong chữ “H” và mất phần chữ “G” ở phía trên mục người cấp nên L đã dùng bút bi đen viết lại chữ “G”, thêm phần dấu huyền trong chữ “H”, tự ghi ngày cấp giấy chứng nhận là ngày 25/8/2018 và ghi phần “Số vào sổ cấp GCN” là “H00268”.

Đến ngày 15/8/2022, L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 đã làm giả cùng các giấy tờ: 01 (một) sổ hộ khẩu, 01 (một) giấy chứng nhận hộ kinh doanh, 01 (một) chứng minh thư nhân dân, 01 (một) căn cước công dân mang tên Đặng Văn L đi phô tô mỗi tài liệu 01 (một) bản, sau đó mang đến Văn phòng công chứng Bắc Quang thuộc tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, yêu cầu công chứng với mục đích sử dụng các tài liệu trên để làm hồ sơ vay tiền ngân hàng thì bị bà Vũ Thị Thanh T1, Công chứng viên - Trưởng Văn phòng Công chứng Q nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 là giả nên đã báo cơ quan chức năng giải quyết.

Ngày 25/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra Quyết định trưng cầu giám định số 171 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 828673 ký hiệu là A cần giám định là thật hay giả. Tại Bản kết luận giám định số 335/KL-PC09 ngày 30/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ký hiệu là A cần giám định là giả.*

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh đối với số điện thoại 0384.221.035 của Đặng Văn L không xác định được số điện thoại của người đàn ông tên Tuấn đã liên hệ cho L. Quá trình điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại nhãn hiệu OPPO A95, màn hình cảm ứng, màu bạc bên trong có lắp 02 sim Viettel với số thuê bao 0979.950.298 và 0384.221.035 của Đặng Văn L nhưng không có các nội dung liên quan đến vụ án. Tiến hành truy cập Facebook tìm tài khoản cá nhân mang tên “*T L*” của Đặng Văn L nhưng không xác định được. Đối với chiếc điện thoại Vivo L khai nhận sử dụng để liên lạc với người đàn ông tên Tuấn đã bị mất, L không còn giữ, không biết ở đâu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh đối với các cơ sở dịch vụ vận chuyển trên địa bàn huyện Bắc Quang nhưng không xác định được gói hàng có tên người nhận là Đặng Văn L với giá trị 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) nên không xác định được người đã vận chuyển gói hàng bên trong có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Đặng Văn L.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang thu giữ các tài liệu, đồ vật là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Đặng Văn L, đề ngày 25/8/2018 là tài liệu giả. Hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 08/CT-VKSBQ ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Đặng Văn L về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Đặng Văn L theo bản Cáo

trạng. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341, Điều 38, Điều 50, khoản 5 Điều 65, Điều 56, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt, nhưng trước đó họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục 139 đến bút lục 176), phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục 177 đến bút lục 191), phù hợp với các tài liệu vật chứng (bút lục 53 đến bút lục 74), tài liệu giám định (bút lục 75 đến bút lục 93), tài liệu nhận dạng (bút lục 134 đến bút lục 138), cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đặng Văn L dùng điện thoại di động để nhắn tin các thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên ông Tấn Văn H và bà Trương Thị X (bản gốc) cho người đàn ông mang tên "T2" để "T2" làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên Đặng Văn L (giả), sau đó "T2" gửi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên Đặng Văn L (giả) cho Đặng Văn L. Đến ngày 15/8/2022,

Đặng Văn L đến Văn phòng công chứng Q có trụ sở tại tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 828673 mang tên Đặng Văn L (giả) để thực hiện các thủ tục thế chấp vay tiền ngân hàng thì bị bà Vũ Thị Thanh T1 - công chứng viên phát hiện và báo cơ quan chức năng giải quyết. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[4] Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm:..."*

[5] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Đặng Văn L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý vì vậy bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, nhưng bị cáo lại là người có tiền án, điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, bị cáo không những không biết tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật với lỗi cố ý.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, là người dân tộc thiểu số, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cũng được xem xét khi áp dụng mức hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

[10] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 08/7/2022 Đặng Văn L bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về hành vi đánh bạc, hiện bị cáo đang

trong thời gian chấp hành án, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn L. Bị cáo là người coi thường pháp luật, không tỏ ra ăn năn hối cải, do đó cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, mới đủ tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, để bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Trong vụ án này, đối với người đàn ông (không rõ địa chỉ) tên là "T2" mà bị cáo Đặng Văn L liên lạc, có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673, mang tên Đặng Văn L; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh đối với các cơ sở dịch vụ vận chuyển trên địa bàn huyện Bắc Quang nhưng không xác định được gói hàng có tên người nhận là Đặng Văn L với giá trị 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) nên không xác định được người đã vận chuyển gói hàng bên trong có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Đặng Văn L. Do quá trình điều tra, xác minh không xác định được những người có tên nêu trên, nên cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tách các tài liệu liên quan, khi làm rõ có đủ căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[14] Đối với 01 chiếc điện thoại Vivo L sử dụng để liên lạc với người đàn ông tên T2 đã bị mất, L không còn giữ, không biết ở đâu. Quá trình điều tra không thu giữ được, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[15] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Đặng Văn L, đề ngày 25/8/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đang lưu giữ trong hồ sơ, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[16] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A95, màn hình âm ứng, màu bạc, mặt trước kính cường lực bị nứt vỡ, mặt sau có lắp 01 miếng ốp nhựa màu đen bị nứt vỡ, bên trong có lắp 02 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra bên trong. Xét thấy, điện thoại này là tài sản cá nhân của Đặng Văn L, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không dùng vào việc phạm tội, do vậy cần trả lại cho bị cáo.

[17] Từ những nhận định trên, xét thấy mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Đặng Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[18] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, Điều 38, Điều 50, khoản 5 Điều 65, Điều 56, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn L phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; tổng hợp hình phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 30/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Đặng Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một) năm 11 (Mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù.

3. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 828673 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Đặng Văn L, đề ngày 25/8/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đang lưu giữ trong hồ sơ, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A95, màn hình ảm ứng, màu bạc, mặt trước kính cường lực bị nứt vỡ, mặt sau có lắp 01 miếng ốp nhựa màu đen bị nứt vỡ, bên trong có lắp 02 sim Viettel, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra bên trong;

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 18/01/2023).

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQ;
- Công an huyện BQ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện BQ;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh